

Bản án số: **65/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/7/2019

V/v: “*Xin ly hôn,*

*tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Sô Phép

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Chung Kim Sang

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 315/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ Y, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 13/24 đường C, khu phố 3, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* Anh Nhan Thanh H, sinh năm 1986 (vắng mặt);

HKTT: Tổ 12 khu phố T, phường H, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 13/24 đường C, khu phố 3, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Y trình bày:

Tôi và anh H tìm hiểu yêu thương nhau sau đó mới tiến đến hôn nhân, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/6/2011.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng tôi, thiếu trách nhiệm không quan tâm chăm sóc vợ con và mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2017 đến nay.

- Về con chung: Chị Y xác định có 02 người con chung tên Nhan Ánh M, sinh ngày 19/5/2011 và Nhan Ngọc Như Y1, sinh ngày 11/7/2015, hiện nay đang sống với chị Y. Chị Y yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ Y xác định có nợ bà Trần Thị Kim D số tiền 6.000.000 đồng, yêu cầu mỗi người trả 1/2 số tiền nợ là 3.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Y xác định đã trả số tiền nợ 6.000.000 đồng cho bà Trần Thị Kim D và chị Y rút yêu cầu về nợ chung, không yêu cầu anh H trả lại số tiền trên. Hiện nay vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nhan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nhan Thanh H theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh H không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim D có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 28/3/2019: Tôi có cho chị Y và anh H mượn số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 30/2/2019 chị Y đã trả số tiền nêu trên cho tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà D có đơn xin vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý đến ngày đưa quyết định ra xét xử đã vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, thực hiện đúng quy định tại Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn hoãn phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ Y với anh Nhan Thanh H, giao con chung tên Nhan Ánh M, sinh ngày 19/5/2011 và Nhan Ngọc Như Y1, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Lê Thị Mỹ Y nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chị Y xác định không có nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung chị Y xác định nợ bà Trần Thị Kim D số tiền 6.000.000 đồng, đã trả xong và chị Y rút yêu cầu về nợ chung, do đó đình chỉ không xem xét đối với yêu cầu nợ chung của chị Y.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ Y khởi kiện yêu cầu “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với anh Nhan Thanh H. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nhan Thanh H vắng mặt không rõ lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt và chị Y đồng ý xét xử vắng mặt anh H, bà D. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nhan Thanh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim D.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh H tự quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/6/2011 theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị Y và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Giữa chị Y và anh H bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh H thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng chị Y và còn mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ khoảng đầu năm 2017, từ khi sống ly thân đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh H là hoàn

toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mỹ Y xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nhan Ánh M, sinh ngày 19/5/2011 và Nhan Ngọc Như Y1, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang sống chung với chị Y. Chị Y yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 28/9/2018 cháu Ánh M có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ánh M và cháu Như Y1 cho chị Y tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ Y xác định vợ chồng có nợ bà Trần Thị Kim D số tiền 6.000.000 đồng. Chị Y và bà D xác định chị Y đã trả nợ xong cho bà D và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét yêu cầu nợ chung của chị Y.

Do anh H không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ Y được ly hôn với anh Nhan Thanh H.

2/ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nhan Ánh M, sinh ngày 19/5/2011 và Nhan Ngọc Như Y1, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Lê Thị Mỹ Y được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nhan Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về nợ chung của chị Lê Thị Mỹ Y đối với anh Nhan Thanh H.

5/ Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ Y phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Y được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008394 ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* *Nơi nhân:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**THẠCH SÔ PHÉP**

